

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DSST

Ngày: 20/1/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Lưu Tuấn Long - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà:** Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2021/TLST – DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 1 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (viết tắt Ngân hàng).

Địa chỉ: Số X, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, pH 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Thủ Đức.

Người được ủy quyền lại: Bà Tạ Thị Mai H – Trưởng phòng PGD Phan Đình Phùng, chi nhánh Thủ Đức và ông Trần Duy A – nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 247/2020/UQ-CNTĐ ngày 30/1/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ X pH Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27/6/2019, ông Nguyễn Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Thủ Đức Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thanh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng Sacombank Visa Payware Credit Signature- 455376-8xxx với hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 2.780.000.631 đồng và mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 2.534.000.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 Nguyên tắc thanh toán của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến tháng 10/2020 ông Nguyễn Thanh T tH xuyên chậm trả gốc lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc trực tiếp với ông Nguyễn Thanh T và đề nghị ông thanh toán, tuy nhiên ông T chỉ hứa mà không thực hiện, không có thiện chí trả nợ và không hợp tác với Ngân hàng.

Do ông Nguyễn Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 – vi phạm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), theo quy định của Ngân hàng, sau 90 ngày kể từ thời điểm chậm thanh toán (khi khách hàng lên nhóm nợ 3), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Thanh T và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 20/1/2022 trong đó nợ gốc: 293.488.685 đồng, nợ lãi là 137.704.726 đồng, tổng cộng là 431.193.411 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 21/1/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:**

Tôi xác nhận ngày 27/6/2019 tôi có mở thẻ và giao dịch với Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Thủ Đô theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) theo như đại diện ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên người sử dụng tiền từ thẻ tín dụng trên là vợ tôi chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; HKTT: tổ X phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội nhưng hiện nay chị H không còn sinh sống tại địa chỉ trên mà chuyển về sinh sống tại khu đô thị K, Kim Lũ, Hoàng Mai, Hà Nội địa chỉ cụ thể tôi không có và tôi không có chứng cứ gì chứng minh số tiền đã tiêu theo thông báo nợ của Ngân hàng là do vợ tôi sử dụng. Tại Biên bản phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/1/2022, ông Nguyễn Thanh T xác nhận không có số điện thoại, địa chỉ cư trú của vợ ông và không có chứng cứ chứng minh vợ ông là người sử dụng tiền vay của Ngân hàng để giao nộp theo Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án. Đối với số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu thanh toán, ông T nhất trí, không có ý kiến gì phản đối.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Thanh T là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 27/6/2019, Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Do ông Nguyễn Thanh T vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại, tổ X phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Long Biên.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Về nội dung:**

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được các bên xác lập tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại điều 4 BLDS năm 2015. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại điều 119 BLDS năm 2015. Vì vậy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/06/2019 giữa Ngân hàng và ông T xác định là hợp pháp và có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 điều 401 BLDS năm 2015 kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại khoản 2 điều 401 BLDS năm 2015.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã cấp thẻ tín dụng và hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng cho ông T. Sau khi được cấp thẻ tín dụng kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.780.000.631 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.534.000.000 đồng. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 20/1/2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 431.193.411 đồng; trong đó nợ gốc là 293.488.685 đồng; nợ lãi là: 137.704.726 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại Điều 25, 27 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, cách thức tính lãi, quyết định về việc ban hành biểu phí dịch vụ thẻ phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng và tóm tắt sao kê thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký. Nên ngày 25/1/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ngoài ra, ông T còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/1/2022 đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định trong hợp đồng và không trái quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T có ý kiến mặc dù thẻ tín dụng đứng tên ông nhưng vợ ông mới là người sử dụng số tiền vay của Ngân hàng chứ không phải ông. Tuy nhiên căn cứ vào Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP T tại điều 20 mục trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ có ghi: *“Chủ thẻ đồng ý là chủ thẻ đã nhận được thẻ khi thẻ được kích hoạt và/hoặc có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ, là cả Chủ thẻ chính và tất cả Chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên thẻ do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Sacombank mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác..”* và theo ghi nhận trên hệ thống của Sacombank do đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cung cấp thì Thẻ tín dụng số 455376-8xxx đứng tên ông Nguyễn Thanh T được kích hoạt bằng hình thức nhắn tin. Tin nhắn được Ngân hàng gửi đến số điện thoại 0966688xxx mà ông T đăng ký với Ngân hàng vào lúc 9h30 ngày 27/6/20219 và mỗi khi phát sinh giao dịch liên quan đến thẻ tín dụng trên và hiện nay ông T vẫn đang sử dụng số điện thoại này. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu ông T giao nộp chứng cứ liên quan đến nội dung ông trình bày về việc vợ ông sử dụng khoản tiền vay của Ngân hàng và giải thích cho ông T rõ hậu quả pháp lý về việc không cung cấp được chứng cứ. Tại phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/1/2022, ông T đã trình bày nhất trí, không có ý kiến phản đối gì về số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông thanh

toán và thừa nhận không có chứng cứ chứng minh việc vợ ông chứ không phải ông là người sử dụng số tiền vay của Ngân hàng, không cung cấp được cho Tòa án số điện thoại và địa chỉ cư trú hiện nay của vợ ông nên Tòa án không có căn cứ để xem xét. Đối chiếu với trình bày của đại diện Ngân hàng liên quan đến trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ cũng như các tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp cho Tòa án đủ cơ sở kết luận ý kiến trình bày của ông T là không đúng và ông T là người chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng ngày 27/6/2019”.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 4, Điều 119, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự
- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với ông Nguyễn Thanh T về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng ngày 27/6/2019.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm tính đến ngày 20/1/2022 là 431.193.411 (Bốn trăm ba mươi một triệu, một trăm chín ba nghìn, bốn trăm mười một) đồng; trong đó nợ gốc là 293.488.685 đồng; nợ lãi là: 137.704.726 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh T còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/1/2022 đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng theo từng thời kỳ nhưng không trái quy định của pháp luật, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 21.247.736 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm bốn bảy nghìn bảy trăm ba sáu đồng)

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0064587 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đặng Văn Ngọc